

Số: 65 /2024/QĐ - UBND

Hà Nam, ngày 25 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản

xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Hà Nam (Theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước trong việc giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý và sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất.

Điều 3. Điều kiện, tiêu chí chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác

1. Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;

2. Có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Tham mưu thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt; kiểm tra và giám sát việc bóc tách, sử dụng tầng đất mặt khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên.

c) Chủ trì thẩm định phương án trồng rừng thay thế; tổ chức kiểm tra, giám sát công tác trồng rừng thay thế đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, đôn đốc, theo dõi và tổng hợp việc nộp tiền trồng rừng thay thế.

3. Sở Xây dựng: Kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu đã được phê duyệt đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 66 Luật Đất đai 2024.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với diện tích, loại đất cần chuyển mục đích sử dụng; sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu đã được phê duyệt theo quy định.

b) Thực hiện thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt; kiểm tra và giám sát việc bóc tách, sử dụng tầng đất mặt khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn cấp huyện.

5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan: Chấp hành nghiêm các nội dung của Quyết định này. Phản ánh kịp thời đến các cơ quan có thẩm quyền những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2024.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, Chủ đầu tư các dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 6;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- VPTU, VPĐDBQH và HĐND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, NNTNMT, KT, TCDNC, GTXD;
- Báo Hà Nam, Đài PTTH tỉnh, Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT (Vg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Đức Vượng